

Số: ~~478~~ /TTr-UBND

Gia Lai, ngày 15 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai đi đào tạo

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ; Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai đi đào tạo, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH 15 ngày 16/6/2025 do Quốc hội ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Ban hành Nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

b) Căn cứ điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 do Quốc hội ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

c) Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức và Căn cứ khoản 1 Điều 42 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh xây dựng, trình HĐND cấp tỉnh ban hành Nghị quyết về chế độ, chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức không ngừng học tập, nâng cao trình độ, năng lực công tác; bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo,

bồi dưỡng theo quy định.

d) Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP quy định: UBND cấp tỉnh chủ động bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác để hỗ trợ cho công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi, công chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

Căn cứ các quy định nêu trên, việc ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai đi đào tạo, bồi dưỡng là cần thiết, đảm bảo cơ sở chính trị, pháp lý.

2. Cơ sở thực tiễn

Theo thẩm quyền được giao Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo được bãi bỏ một phần tại Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định; Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) không ban hành chính sách nêu trên.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, sau sắp xếp, Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII kỳ họp thứ 5 đã quyết định áp dụng Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định trong phạm vi địa bàn tỉnh Gia Lai mới.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành trước sắp xếp đều phải xử lý để đảm bảo phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp. Tại Công văn số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 06/10/2025 của Bộ Tư pháp đề nghị các địa phương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới các văn bản của địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01/6/2026.

Do đó, việc ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai đi đào tạo để thay thế Nghị quyết số Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 và Nghị quyết số Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 bãi bỏ một phần Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 là cần thiết và phù hợp với thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết đề cụ thể hóa nội dung, quy định về khuyến khích công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai không ngừng học tập, nâng cao trình độ, năng lực công tác, đảm bảo thực hiện phù hợp với quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP; Nghị định số 171/2025/NĐ-CP và tình hình thực tế tại địa phương; là cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo thống nhất, đúng quy định để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức trong tình hình mới.

2. Quan điểm xây dựng

Nghị quyết được xây dựng đảm bảo các nguyên tắc, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với nội dung quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP; Nghị định số 171/2025/NĐ-CP; phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ngày 27/02/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 2210/UBND-NC chỉ đạo các sở, ban, ngành tham mưu xử lý các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Gia Lai (trước sắp xếp). Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 276/TTr-UBND ngày 20/3/2026 đăng ký Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Căn cứ Thông báo số 23/TB-TTHĐND ngày 30/3/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất nội dung đăng ký dự thảo Nghị quyết nêu trên và thực hiện theo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật thông thường, trình tại kỳ họp gần nhất trong năm 2026 khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, để bảo đảm hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới các văn bản của địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo yêu cầu của Bộ Tư pháp tại Công văn số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Tờ trình số 393/TTr-UBND ngày 10/04/2026 đăng ký Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết nêu trên theo quy trình rút gọn.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại các văn bản nêu trên, Sở Nội vụ thành lập tổ soạn thảo, tổ chức xây dựng dự thảo Nghị quyết và gửi lấy ý kiến của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đồng thời, đề nghị đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh (thời gian 10 ngày theo quy định) theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tổng hợp, tiếp thu các ý kiến góp ý gửi hồ sơ đến Sở Tư pháp để thẩm định và được Sở Tư pháp thống nhất tại Báo cáo số 320/BC-STP ngày 15/4/2026.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai đi đào tạo.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương của các sở, ban, ngành; cấp phòng và tương đương các xã, phường trở lên được cử đi học sau đại học.

b) Viên chức làm công tác nghiên cứu, hoạt động khoa học công nghệ, văn hóa, nghệ thuật, y tế, giảng dạy trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành cấp tỉnh được cử đi học sau đại học theo yêu cầu vị trí việc làm.

c) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo trung cấp, cao cấp lý luận chính trị theo quy định của Đảng.

3. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh gồm 07 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trong nước

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Điều 7. Điều khoản thi hành

4. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

4.1. Nội dung và mức hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trong nước

4.1.1. Khoán lệ phí thi tuyển; tiền mua tài liệu học tập, giáo trình và các khoản chi phí khác cho một khóa đào tạo như sau:

a) Trung cấp lý luận chính trị: 1,5 lần mức lương cơ sở/người/khóa.

b) Cao cấp lý luận chính trị: 2,0 lần mức lương cơ sở/người/khóa.

c) Thạc sĩ; chuyên khoa y, dược cấp I: 3,0 lần mức lương cơ sở/người/khóa.

d) Chuyên khoa y, dược cấp II: 4,0 lần mức lương cơ sở/người/khóa.

đ) Tiến sĩ: 6,0 lần mức lương cơ sở/người/khóa.

4.1.2. Hỗ trợ nghiên cứu thực tế đối với cán bộ, công chức, viên chức đi học trung cấp, cao cấp lý luận chính trị: 2,0 lần mức lương cơ sở/người/khóa học.

4.1.3. Hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ hàng tháng cho cán bộ, công chức, viên chức trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ).

a) Ngoài tỉnh: Học tại các đô thị loại I được hỗ trợ 2.500.000 đồng/người/tháng; đi học tại các tỉnh, thành phố còn lại được hỗ trợ 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Trong tỉnh: Học tại các cơ sở đào tạo cách trụ sở cơ quan, đơn vị công tác từ 15 km trở lên được hỗ trợ 1.500.000 đồng/người/tháng.

4.1.4. Hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung cho cán bộ, công chức, viên chức đi học tại cơ sở đào tạo cách trụ sở cơ quan, đơn vị công tác từ 15 km trở lên được hỗ trợ 1.500.000 đồng/người/tháng.

4.1.5. Ngoài mức hỗ trợ hàng tháng theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này, hỗ trợ thêm hàng tháng cho các đối tượng sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số hoặc là nữ: 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Cán bộ, công chức, viên chức là nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi: 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

Thời gian tính hưởng hỗ trợ hàng tháng quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Nghị quyết này là thời gian thực tế cán bộ, công chức, viên chức học tập trung tính cộng dồn theo tháng, mỗi tháng 22 ngày và không vượt quá thời gian quy định của chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo thông báo. Trường hợp nếu có số ngày lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 ngày đến đủ 11 ngày tính là 0,5 tháng và từ trên 11 ngày đến dưới 22 ngày tính tròn là 01 tháng.

4.1.6. Hỗ trợ chi phí đi lại

Cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo ở cơ sở đào tạo cách trụ sở cơ quan, đơn vị công tác từ 15 km trở lên được thanh toán tiền thuê phương tiện đi lại hoặc hỗ trợ xăng xe từ cơ quan, đơn vị công tác đến nơi học tập theo chế độ công tác phí hiện hành. Số lượt thanh toán như sau:

a) Đào tạo tập trung dài hạn: Một lượt đi và về vào đầu khóa học và kết thúc khóa học; nghỉ hè; nghỉ lễ; nghỉ tết nguyên đán hàng năm theo quy định.

b) Đào tạo tập trung nhiều đợt, mỗi đợt từ 01 tháng trở lên: Một lượt đi và về cho mỗi đợt học.

4.1.7. Công chức, viên chức giữ chức vụ trưởng phòng và tương đương của các cơ quan, đơn vị (ban, chi cục, trung tâm) trực thuộc các sở, ban, ngành, nếu bảo đảm các điều kiện cử đi đào tạo lý luận chính trị, đào tạo sau đại học và được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo thì được hưởng 100% mức hỗ trợ tại khoản 1,

khoản 2, khoản 6 Điều này và 50% mức hỗ trợ tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

4.2. Nguồn kinh phí thực hiện

4.2.1. Kinh phí đào tạo cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4.2.2. Kinh phí đào tạo viên chức do viên chức đóng góp, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được bố trí kinh phí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao hàng năm, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có) và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Kinh phí do đơn vị tự bảo đảm từ nguồn tài chính của đơn vị, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

4.2.3. Trường hợp kinh phí đào tạo cán bộ, công chức, viên chức theo các Chương trình/Đề án/Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn kinh phí thực hiện theo các Chương trình/Đề án/Dự án đó.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Dự kiến nguồn lực

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ đề án vị trí việc làm, nhiệm vụ chuyên môn được giao và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của mình để rà soát, xây dựng Kế hoạch đào tạo giai đoạn và hằng năm, dự trù kinh phí thực hiện thực hiện công tác đào tạo cán bộ, công chức, viên chức gửi cơ quan quản lý cấp trên để báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp, trình Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn.

Đối với các Chương trình/Đề án/Dự án đào tạo được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện theo các Quyết định riêng.

Kinh phí đào tạo viên chức từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết

- Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

(Kèm theo các văn bản: Dự thảo Nghị quyết; văn bản thẩm định của Sở Tư pháp; bản tổng hợp ý kiến tham gia và giải trình tiếp thu ý kiến tham gia; các tài liệu khác có liên quan).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị. /

Nơi nhận

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Các Sở: TP, SNV, STC;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, C6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai đi đào tạo

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi
dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
89/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đào
tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính
hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho
công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý
kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách khuyến
khích cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai đi đào tạo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách khuyến khích cán bộ, công chức,
viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai đi đào tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và quy
hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương của các sở,
ban, ngành; cấp phòng và tương đương các xã, phường trở lên được cử đi học
sau đại học.

2. Viên chức làm công tác nghiên cứu, hoạt động khoa học công nghệ, văn hóa, nghệ thuật, y tế, giảng dạy trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành cấp tỉnh được cử đi học sau đại học theo yêu cầu vị trí việc làm.

3. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo trung cấp, cao cấp lý luận chính trị theo quy định của Đảng.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Chuyên ngành đào tạo phải phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm đang đảm nhận hoặc chức danh quy hoạch.

2. Cán bộ, công chức, viên chức nếu thuộc đối tượng được hưởng từ hai chính sách trở lên thì chỉ được hưởng chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

3. Cán bộ, công chức, viên chức cử đi đào tạo sau đại học phải đảm bảo đủ điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Điều 5 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trong nước

1. Khoản lệ phí thi tuyển; tiền mua tài liệu học tập, giáo trình và các khoản chi phí khác cho một khóa đào tạo như sau:

- a) Trung cấp lý luận chính trị: 1,5 lần mức lương cơ sở/người/khóa.
- b) Cao cấp lý luận chính trị: 2,0 lần mức lương cơ sở/người/khóa.
- c) Thạc sĩ; chuyên khoa y, dược cấp I: 3,0 lần mức lương cơ sở/người/khóa.
- d) Chuyên khoa y, dược cấp II: 4,0 lần mức lương cơ sở/người/khóa.
- đ) Tiến sĩ: 6,0 lần mức lương cơ sở/người/khóa.

2. Hỗ trợ nghiên cứu thực tế đối với cán bộ, công chức, viên chức đi học trung cấp, cao cấp lý luận chính trị: 2,0 lần mức lương cơ sở/người/khóa học.

3. Hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ hàng tháng cho cán bộ, công chức, viên chức trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ).

a) Ngoài tỉnh: Học tại các đô thị loại I được hỗ trợ 2.500.000 đồng/người/tháng; đi học tại các tỉnh, thành phố còn lại được hỗ trợ 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Trong tỉnh: Học tại các cơ sở đào tạo cách trụ sở cơ quan, đơn vị công tác từ 15 km trở lên được hỗ trợ 1.500.000 đồng/người/tháng.

4. Hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung cho cán bộ, công chức, viên chức đi học tại cơ sở đào tạo cách trụ sở cơ quan, đơn vị công tác từ 15 km trở lên được hỗ trợ 1.500.000 đồng/người/tháng.

5. Ngoài mức hỗ trợ hàng tháng theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này, hỗ trợ thêm hàng tháng cho các đối tượng sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số hoặc là nữ: 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Cán bộ, công chức, viên chức là nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi: 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

Thời gian tính hưởng hỗ trợ hàng tháng quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này là thời gian thực tế cán bộ, công chức, viên chức học tập trung tính cộng dồn theo tháng, mỗi tháng 22 ngày và không vượt quá thời gian quy định của chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo thông báo. Trường hợp nếu có số ngày lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 ngày đến đủ 11 ngày tính là 0,5 tháng và từ trên 11 ngày đến dưới 22 ngày tính tròn là 01 tháng.

6. Hỗ trợ chi phí đi lại

Cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo ở cơ sở đào tạo cách trụ sở cơ quan, đơn vị công tác từ 15 km trở lên được thanh toán tiền thuê phương tiện đi lại hoặc hỗ trợ xăng xe từ cơ quan, đơn vị công tác đến nơi học tập theo chế độ công tác phí hiện hành. Số lượt thanh toán như sau:

a) Đào tạo tập trung dài hạn: Một lượt đi và về vào đầu khóa học và kết thúc khóa học; nghỉ hè; nghỉ lễ; nghỉ tết nguyên đán hàng năm theo quy định.

b) Đào tạo tập trung nhiều đợt, mỗi đợt từ 01 tháng trở lên: Một lượt đi và về cho mỗi đợt học.

7. Công chức, viên chức giữ chức vụ trưởng phòng và tương đương của các cơ quan, đơn vị (ban, chi cục, trung tâm) trực thuộc các sở, ban, ngành, nếu bảo đảm các điều kiện cử đi đào tạo lý luận chính trị, đào tạo sau đại học và được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo thì được hưởng 100% mức hỗ trợ tại khoản 1, khoản 2, khoản 6 Điều này và 50% mức hỗ trợ tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí đào tạo cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí đào tạo viên chức do viên chức đóng góp, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được bố trí kinh phí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao hàng năm, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có) và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Kinh phí do đơn vị tự đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Trường hợp kinh phí đào tạo cán bộ, công chức, viên chức theo các Chương trình/Đề án/Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn kinh phí thực hiện theo các Chương trình/Đề án/Dự án đó.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng ... năm 2026.

2. Cán bộ, công chức, viên chức đi học trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục hưởng chính sách trợ cấp theo quy định tại Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo được bãi bỏ một phần tại Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (*được tiếp tục áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai sau sắp xếp theo Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai*).

3. Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 bãi bỏ một phần của Quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo kèm theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày

11/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Những nội dung khác liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 89/2021/NĐ-CP, Nghị định số 171/2025/NĐ-CP và Thông tư số 100/2025/TT-BTC.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII Kỳ họp thông qua ngày tháng ... năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH